

TTĐT(2)

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **76/2020/NĐ-CP**

Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2020

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... C
	Ngày: ... 31/7/20

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết đối tượng, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp, thu hồi, hủy giá trị sử dụng giấy thông hành

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết đối tượng, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp, thu hồi, hủy giá trị sử dụng giấy thông hành.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về đối tượng, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp, thu hồi, hủy giá trị sử dụng giấy thông hành đối với công dân Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và công dân Việt Nam.

Điều 3. Phạm vi sử dụng của giấy thông hành

1. Giấy thông hành biên giới Việt Nam - Campuchia có giá trị sử dụng trong phạm vi tỉnh biên giới đối diện của Campuchia tiếp giáp Việt Nam.

2. Giấy thông hành biên giới Việt Nam - Lào có giá trị sử dụng trong phạm vi tỉnh biên giới đối diện của Lào tiếp giáp Việt Nam.

3. Giấy thông hành xuất, nhập cảnh vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc có giá trị sử dụng trong phạm vi vùng biên giới đối diện của Trung Quốc tiếp giáp Việt Nam.

Chương II **CẤP GIẤY THÔNG HÀNH**

Điều 4. Đối tượng được cấp giấy thông hành

1. Đối tượng được cấp giấy thông hành biên giới Việt Nam - Campuchia gồm cán bộ, công chức, viên chức, công nhân đang làm việc trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có trụ sở tại tỉnh có chung đường biên giới với Campuchia được cử sang tỉnh biên giới đối diện của Campuchia công tác.

2. Đối tượng được cấp giấy thông hành biên giới Việt Nam - Lào:

a) Công dân Việt Nam có hộ khẩu thường trú tại tỉnh có chung đường biên giới với Lào;

b) Công dân Việt Nam không có hộ khẩu thường trú ở các tỉnh có chung đường biên giới với Lào nhưng làm việc trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có trụ sở tại tỉnh có chung đường biên giới với Lào.

3. Đối tượng được cấp giấy thông hành xuất, nhập cảnh vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc:

a) Công dân Việt Nam thường trú tại các xã, phường, thị trấn tiếp giáp đường biên giới Việt Nam - Trung Quốc;

b) Cán bộ, công chức làm việc tại các cơ quan nhà nước có trụ sở đóng tại huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh của Việt Nam tiếp giáp đường biên giới Việt Nam - Trung Quốc được cử sang vùng biên giới đối diện của Trung Quốc để công tác.

Điều 5. Hồ sơ đề nghị cấp giấy thông hành

1. 01 tờ khai theo Mẫu M01 ban hành kèm theo Nghị định này đã điền đầy đủ thông tin. Tờ khai của các trường hợp dưới đây thì thực hiện như sau:

a) Người quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định này thì tờ khai phải có xác nhận và đóng dấu giáp lai ảnh của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trực tiếp quản lý;

b) Người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định của Bộ luật Dân sự, người chưa đủ 14 tuổi thì tờ khai do cha, mẹ hoặc người đại diện theo pháp luật khai và ký tên, có xác nhận và đóng dấu giáp lai ảnh của Trưởng công an xã, phường, thị trấn nơi người đó thường trú;

c) Người chưa đủ 16 tuổi đề nghị cấp chung giấy thông hành xuất, nhập cảnh vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc với cha hoặc mẹ thì tờ khai phải do cha hoặc mẹ khai và ký tên.

2. 02 ảnh chân dung, cỡ 4cm x 6cm. Trường hợp người chưa đủ 16 tuổi đề nghị cấp chung giấy thông hành với cha hoặc mẹ thì dán 01 ảnh 3cm x 4cm của trẻ em đó vào tờ khai và nộp kèm 01 ảnh 3cm x 4cm của trẻ em đó để dán vào giấy thông hành.

3. Giấy tờ khác đối với các trường hợp dưới đây:

a) 01 bản sao giấy khai sinh hoặc trích lục khai sinh đối với người chưa đủ 14 tuổi;

b) 01 bản chụp có chứng thực giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp chứng minh người đại diện theo pháp luật đối với người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định của Bộ luật Dân sự, người chưa đủ 14 tuổi. Trường hợp bản chụp không có chứng thực thì xuất trình bản chính để kiểm tra, đối chiếu;

c) Giấy thông hành đã được cấp, nếu còn giá trị sử dụng;

d) Giấy giới thiệu của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đối với trường hợp ủy quyền nộp hồ sơ.

Điều 6. Ủy quyền nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy thông hành

1. Người đang làm việc trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có tư cách pháp nhân có thể ủy quyền cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đó nộp hồ sơ và nhận kết quả thay.

2. Trường hợp doanh nghiệp được ủy quyền nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy thông hành thì trước khi nộp hồ sơ, doanh nghiệp đó phải gửi cho cơ quan cấp giấy thông hành 01 bộ hồ sơ pháp nhân, gồm:

a) Bản sao hoặc bản chụp có chứng thực quyết định thành lập doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; nếu bản chụp không có chứng thực thì xuất trình bản chính để kiểm tra, đối chiếu;

b) Văn bản giới thiệu mẫu con dấu và mẫu chữ ký của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

3. Việc gửi hồ sơ pháp nhân nêu tại khoản 2 Điều này chỉ thực hiện một lần, khi có sự thay đổi nội dung trong hồ sơ thì doanh nghiệp gửi văn bản bổ sung.

Điều 7. Nơi nộp hồ sơ

1. Người đề nghị cấp giấy thông hành biên giới Việt Nam - Campuchia nộp hồ sơ tại cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh có chung đường biên giới với Campuchia nơi cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp người đó làm việc có trụ sở.

2. Người đề nghị cấp giấy thông hành biên giới Việt Nam - Lào nộp hồ sơ tại cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh có chung đường biên giới với Lào nơi người đó có hộ khẩu thường trú hoặc nơi cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp người đó làm việc có trụ sở.

3. Người đề nghị cấp giấy thông hành xuất, nhập cảnh vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị định này nộp hồ sơ tại Công an xã, phường, thị trấn tiếp giáp đường biên giới Việt Nam - Trung Quốc nơi người đó có hộ khẩu thường trú.

4. Người đề nghị cấp giấy thông hành xuất, nhập cảnh vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định này nộp hồ sơ tại Công an huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh của Việt Nam tiếp giáp đường biên giới Việt Nam - Trung Quốc nơi cơ quan người đó có trụ sở.

Điều 8. Trình tự thực hiện

1. Người đề nghị cấp giấy thông hành nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 5 Nghị định này.

2. Khi nộp hồ sơ, người đề nghị phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân còn giá trị sử dụng để đối chiếu.

3. Trường hợp cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được ủy quyền nộp hồ sơ và nhận kết quả thì người được cử đi nộp hồ sơ xuất trình giấy giới thiệu, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân còn giá trị sử dụng của bản thân và của người ủy quyền để kiểm tra, đối chiếu.

4. Người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định của Bộ luật Dân sự, người chưa đủ 14 tuổi thông qua người đại diện theo pháp luật của mình làm thủ tục.

5. Người được giao nhiệm vụ có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp giấy thông hành; kiểm tra, đối chiếu; thu lệ phí và cấp giấy hẹn trả kết quả.

6. Người đề nghị cấp giấy thông hành phải nộp lệ phí; nếu có yêu cầu nhận kết quả tại địa điểm khác với cơ quan quy định tại Điều 7 thì phải trả phí dịch vụ chuyển phát.

Điều 9. Thời hạn và thẩm quyền giải quyết

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh có chung đường biên giới với Campuchia, cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh có chung đường biên giới với Lào cấp giấy thông hành và trả kết quả cho người đề nghị. Trường hợp chưa cấp thì trả lời bằng văn bản, nêu lý do.

2. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, Công an xã, phường, thị trấn tiếp giáp đường biên giới Việt Nam - Trung Quốc; Công an huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh tiếp giáp đường biên giới Việt Nam - Trung Quốc cấp giấy thông hành và trả kết quả cho người đề nghị. Trường hợp chưa cấp thì trả lời bằng văn bản, nêu lý do.

Chương III

THU HỒI, HỦY GIÁ TRỊ SỬ DỤNG GIẤY THÔNG HÀNH

Điều 10. Các trường hợp thu hồi, hủy giá trị sử dụng giấy thông hành

1. Giấy thông hành còn thời hạn bị mất.
2. Giấy thông hành đã cấp cho người thuộc trường hợp bị tạm hoãn xuất cảnh theo quy định của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam.
3. Giấy thông hành của người thuộc trường hợp chưa cấp giấy tờ xuất nhập cảnh do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm.

Điều 11. Hủy giá trị sử dụng giấy thông hành còn thời hạn bị mất

1. Trường hợp bị mất giấy thông hành ở trong nước, trong thời hạn 48 giờ kể từ khi phát hiện giấy thông hành bị mất, người bị mất giấy thông hành trực tiếp nộp hoặc gửi đơn trình báo mất giấy thông hành theo Mẫu M02 ban hành kèm theo Nghị định này cho cơ quan cấp giấy thông hành. Nếu vì lý do bất khả kháng không nộp hoặc gửi đơn theo thời hạn quy định thì phải giải thích cụ thể về lý do bất khả kháng.

2. Trường hợp bị mất giấy thông hành ở nước ngoài, trong thời hạn 48 giờ kể từ khi phát hiện giấy thông hành bị mất, người bị mất giấy thông hành phải báo cho cơ quan chức năng của nước sở tại để làm các thủ tục xác nhận việc mất giấy thông hành và được tạo điều kiện cho xuất cảnh; khi về nước phải trình báo về việc mất giấy thông hành với đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh của Việt Nam tại cửa khẩu.